

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 118/2025/DS-ST

Ngày: 05-9-2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhâm

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Công

2. Bà Trần Ngọc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý An – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 78/2025/TLST – DS ngày 20 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2025/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2025/QĐST – DS ngày 18 tháng 8 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T – Chủ cơ sở hộ kinh doanh D; địa chỉ: 9 khu phố B, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1980; thường trú: Số F đường E, khu phố C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH T1; địa chỉ: B đường N, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Quang H1, sinh năm 1983; thường trú: B đường N, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Quang H1, sinh năm 1983; thường trú: B đường N, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2024 và quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

Trước đây ông Nguyễn Văn T, có bán hàng thực phẩm nhập khẩu và tươi sống cá, heo, bò, gà...cho Công ty TNHH T1 (gọi tắt là Công ty T1) phục vụ suất ăn công nghiệp. Hai bên có ký kết Hợp đồng, cụ thể vào ngày 25/02/2023 Hai bên có ký 02 Hợp đồng, 01 Hợp đồng cung cấp thực phẩm mã số DK 002, giữa hộ kinh doanh Dương K và Công ty T1, và 01 Hợp đồng Mua bán hàng hoá 03 bên – có bên bảo lãnh là ông Phạm Quang H1.

Hằng ngày, Công ty T1 Phạm đặt hàng qua điện thoại, cuối tháng thì H2 bên xác nhận đối chiếu công nợ đầy đủ. Thời gian thanh toán, công nợ bán hàng là 30 ngày. Sau khi kiểm tra đối chiếu xác nhận công nợ thì bên Công ty T1 có nghĩa vụ thanh toán hết tiền mua hàng cho ông Thơ từ ngày 20 đến ngày 25 của tháng sau. Nếu quá thời hạn thanh toán, tiền nợ mua hàng sẽ được tính thêm lãi suất quá hạn thanh toán là 9%/1 năm của tổng số tiền đang nợ. Hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Ông H1 giám đốc là người trực tiếp xác nhận công nợ với ông T và hàng tháng ông H1 lấy tiền từ tài khoản cá nhân chuyển tiền thanh toán cho ông T. Tuy nhiên, từ tháng 11 năm 2023, mỗi lần thanh toán ông H1 không trả hết tiền hàng theo từng tháng, mà mỗi tháng còn nợ lại ông T một ít, tổng số tiền còn nợ từ tháng 11 năm 2023, đến tháng 04 năm 2024 là 243.258.651 đồng. Cụ thể:

- Tháng 11 năm 2023: 33.169.005 đồng
- Tháng 01 năm 2024: 51.119.980 đồng
- Tháng 02 năm 2024: 35.551.700 đồng
- Tháng 03 năm 2024: 89.831.194 đồng
- Tháng 04 năm 2024: 33. 586.772 đồng

Hiện tại ông T cần tiền để thanh toán tiền lương nhân viên, mua hàng hoá tái sản xuất kinh doanh, trả nợ khách hàng, nên đã gửi công văn đề nghị thanh toán 02 lần, nhưng Công ty T1, Ông H1 vẫn không trả. Ông Nguyễn Văn T yêu cầu Công ty TNHH T1 và ông Phạm Quang H1 là bên bảo lãnh cho C có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền hàng còn nợ từ tháng 11/2023 đến tháng 04/2024 là 243.258.651 đồng và lãi suất theo thoả thuận là 19.108.786 đồng, tổng cộng 262.367.437 đồng (Hai trăm sáu mươi hai triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng).

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng cung cấp thực phẩm mã số DK 002 ngày 25/02/2023 giữa hộ kinh doanh Dương K và Công ty T1; Hợp đồng Mua bán hàng hoá 03 bên – có bên bảo lãnh) ngày 25/02/2023; phiếu đối chiếu công nợ mua thực phẩm tháng 11/2023, tháng 01/2024, tháng 02 năm 2024, tháng 3 năm 2024, tháng 4 năm 2024; thông báo đề nghị thanh toán ngày 20/5/2024; thông báo đề nghị thanh toán (lần 2) ngày 20/6/2024; bản chiết tính tiền lãi, hình chụp chuyển khoản.

Bị đơn Công ty TNHH T1 có văn bản trình bày ý kiến và không tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Quang H1 không có văn bản trình bày ý kiến và không tham gia tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH T1 có trụ sở tại địa chỉ B đường N, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ pháp luật: Ông T khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Quang H1 liên đới trả tiền mua hàng chưa thanh toán. Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có

yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung:

Xét Điều 2 Hợp đồng cung cấp thực phẩm mã số DK 002 ngày 25/02/2023 giữa hộ kinh doanh Dương K và Công ty TNHH T1 Phạm các bên thống nhất thời gian thanh toán là 30 ngày sau khi kiểm tra đối chiếu thì Công ty TNHH T1 có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn T từ ngày 20 đến ngày 25 của tháng sau, nếu quá thời hạn thanh toán tiền nợ mua hàng sẽ tính thêm lãi suất quá hạn thanh toán theo quy định ngân hàng N tính trung bình 9% trên tổng số tiền đang nợ; Hợp đồng Mua bán hàng hoá 03 bên – có bên bảo lãnh) ngày 25/02/2023 nội dung bảo lãnh của thể hiện trong trường hợp bên được bảo lãnh không có khả năng chi trả thì bên bảo lãnh cá nhân có trách nhiệm trả thay. Các bên đã lập văn bản đối chiếu công nợ nhưng bị đơn Công ty TNHH T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Quang H1 không thực hiện theo nội dung đã thoả thuận, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty TNHH T1 và ông Phạm Quang H1 là bên bảo lãnh cho Công ty TNHH T1 có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền hàng còn nợ từ tháng 11/2023 đến tháng 04/2024 là 243.258.651 đồng và lãi suất theo thoả thuận là 19.108.786 đồng, tổng cộng 262.367.437 đồng (Hai trăm sáu mươi hai triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với Công ty TNHH T1.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 288, 357, 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T đối với bị đơn Công ty TNHH T1.

Buộc Công ty TNHH T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông

Phạm Quang H1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền mua hàng chưa thanh toán là 243.258.651 đồng (hai trăm bốn mươi ba triệu hai trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi một đồng) và lãi suất theo thoả thuận là 19.108.786 đồng (mười chín triệu một trăm lẻ tám nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng), tổng cộng 262.367.437 đồng (Hai trăm sáu mươi hai triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH T1 chịu 6.559.186 đồng (sáu triệu năm trăm năm mươi chín nghìn một trăm tám mươi sáu đồng).

Ông Phạm Quang H1 phải chịu 6.559.186 đồng (sáu triệu năm trăm năm mươi chín nghìn một trăm tám mươi sáu đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.560.000 đồng (sáu triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000738 ngày 11/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là phòng thi hành án dân sự 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh; **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;

- Phòng THADS khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh;

- Các đương sự;

- Lưu HS, VP.

Vũ Thị Nhâm

